

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **738** /BVK-KD
V/v đề nghị báo giá thuốc

Hà Nội, ngày **06** tháng **3** năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh thuốc.

Bệnh viện K trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Bệnh viện K đang xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc để cung ứng tại nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 - 2026. Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp thuốc theo danh mục tại Phụ lục 1 gửi Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 3 và hồ sơ theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 về Bệnh viện K để tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Các đơn vị khi nộp hồ sơ Báo giá đề nghị gửi kèm 01 USB có chứa các tài liệu sau đây:

1. File excel Bảng báo giá (mẫu theo Phụ lục 3).
2. File word Thông tin đơn vị cung ứng bao gồm các nội dung sau: tên công ty, địa chỉ, số điện thoại, fax, email, số tài khoản ngân hàng (đề nghị ghi rõ số tài khoản, tên ngân hàng, không ghi tắt), mã ngân hàng, mã số thuế, người đại diện pháp luật, chức vụ, giấy ủy quyền ký hợp đồng số.....ngày.....tháng.....năm..... (trường hợp được ủy quyền).

Hồ sơ báo giá của Quý đơn vị đề nghị gửi về Bệnh viện K (địa chỉ: Số 30, Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội) trước **17h00** ngày **17/03/2025** (trong giờ hành chính).

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Ds Vũ Thị Trang (0879.164.999).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc bệnh viện (để b/cáo);
- Trang TTĐT Bệnh viện K;
- Lưu: VT, KD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN K
Vũ Đình Tiến

(Kèm theo Công văn số 738/BVK-KD ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện K)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
1	Abiraterone acetate	250mg	2	Viên	Uống	Viên
2	Abiraterone acetate	250mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
3	Acalabrutinib	100mg	1	Viên nang	Uống	Viên
4	Acetylcystein	200mg	1	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
5	Acid amin + Glucose + Lipid	(8%+16%+20%)/375ml	2	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
6	Alectinib	150mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên nang	Uống	Viên
7	Amoxicillin + Acid clavulanic	875mg + 125mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
8	Amoxicillin + Acid clavulanic	500mg + 125mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
9	Anastrozol	1mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
10	Anastrozol	1mg	1	Viên	Uống	Viên
11	Apalutamide	60mg	5	Viên	Uống	Viên
12	Atezolizumab	1200mg	1	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
13	Bendamustine hydrochloride	25mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
14	Bendamustine hydrochloride	100mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
15	Bicalutamide	50mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
16	Brentuximab Vendotin	50mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
17	Calci (dưới dạng Calci carbonat 1,25g) + Vitamin D3	500mg (dưới dạng Calci carbonat 1,25g) + 125IU	1	Viên	Uống	Viên
18	Carboplatin	150mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
19	Cefaclor	375mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên
20	Ceftazidime; Avibactam	2g; 0,5g	1	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
21	Ceftriaxone	1g	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
22	Cefuroxim	250mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
23	Cefuroxim	500mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
24	Ceritinib	150mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên nang	Uống	Viên
25	Ciprofloxacin	500mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
26	Dacarbazin	200mg	5	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
27	Dactinomycin	500mcg	5	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
28	Denosumab	120mg	1	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
29	Diclofenac sodium	100mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Đặt hậu môn/trực tràng	Viên
30	Docetaxel	20mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
31	Docetaxel	80mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
32	Durvalumab	500mg	1	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
33	Entecavir	0.5mg	2	Viên	Uống	Viên
34	Enzalutamide	40 mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên nang	Uống	Viên
35	Enzalutamide	40mg	2	Viên nang	Uống	Viên
36	Eribulin mesylate	1mg (tương đương Eribulin 0,88mg)/2ml	1	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
37	Esomeprazol	40mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên
38	Esomeprazole	40mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
39	Etoposid	100mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
40	Exemestane	25mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
41	Exemestane	25mg	4	Viên	Uống	Viên
42	Filgrastim	30MU	5	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
43	Filgrastim	30MU	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
44	Gabapentin	300mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên nang	Uống	Viên
45	Gefitinib	250mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
46	Gemcitabin	200mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
47	Glutathion	600mg	1	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
48	Goserelin	10,8mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc cấy dưới da	Tiêm/cấy dưới da	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
49	Goserelin	3,6mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc cấy dưới da	Tiêm/cấy dưới da	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
50	Ibuprofen + Codein Phosphat Hemihydrat	200mg + 30mg	1	Viên	Uống	Viên
51	Irinotecan hydroclorid trihydrat	40mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
52	Irinotecan hydroclorid trihydrat	100mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
53	L-asparaginase	10.000 I.U	1	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
54	Lenvatinib	10mg	1	Viên nang	Uống	Viên
55	Lenvatinib	4mg	1	Viên nang	Uống	Viên
56	Levothyroxine natri	50mcg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
57	L-Ornithine L-aspartate	5g	1	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
58	Macrogol 4000	10g	1	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
59	Monobasic Natri Phosphat; Dibasic Natri Phosphat	(19g + 7g)/118ml; 133ml	1	Thuốc thụt hậu môn/ trực tràng	Thụt hậu môn/ trực tràng	Chai/Lọ/Ống
60	Monobasic Natri Phosphat; Dibasic Natri Phosphat	(7,2g + 2,7g)/15ml; 45ml	5	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
61	Netupitant; Palonosetron	300mg; 0,5mg	1	Viên nang	Uống	Viên
62	Oxaliplatin	100 mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
63	Oxaliplatin	50 mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
64	Paclitaxel	100mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
65	Paclitaxel	150mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
66	Paclitaxel	30mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
67	Paclitaxel	100mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
68	Paclitaxel	30mg	4	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
69	Palbociclib	100mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên nang	Uống	Viên
70	Palbociclib	125mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên nang	Uống	Viên
71	Palbociclib	75mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên nang	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính
72	Paracetamol + Codein phosphat	500mg + 30mg	1	Viên sủi	Uống	Viên
73	Pegfilgrastim	6mg	5	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
74	Pegfilgrastim	6mg	2	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
75	Pertuzumab	420mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
76	Povidon iod	10% kl/tt, 125ml	1	Thuốc dùng ngoài	Sát trùng âm đạo	Chai/Lọ/Ống/Túi
77	Progesteron	10mg/g x 80g	1	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp/Lọ/Ống
78	Regorafenib	40mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
79	Retinol palmitate + Cholecalciferol + DL alpha-tocopherol + Acid Ascorbic + Cocarboxylase tetrahydrate Riboflavin dihydrate sodium phosphate; Pyridoxine hydrochloride; Cyanocobalamin; Folic acid; Dexpanthenol; D-Biotin; Nicotinamide	3500 IU + 220 IU + 11,20 IU + 125mg + 3,51mg + 4,14mg + 4,53 mg + 0,006mg + 0,414mg + 17,25mg + 0,069 mg + 46mg	1	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
80	Ribociclib	200mg	2	Viên	Uống	Viên
81	Rivaroxaban	10mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
82	Sắt (III) (dưới dạng sắt hydroxide Polymaltose Complex)	1500mg	2	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
83	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	40mg (800mg)	1	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
84	Tamoxifen	20mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Viên	Uống	Viên
85	Temozolomide	50mg	4	Viên	Uống	Viên
86	Vincristin sulfat	1mg	2	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
87	Zoledronic acid	4mg	Biệt dược gốc hoặc tương đương	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
88	Zoledronic acid	4mg	2	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Bơm tiêm
89	Zopiclon	7,5mg	1	Viên	Uống	Viên



PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 738/BVK-KD ngày 06/03/2025 của Bệnh viện K)

I. Đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại Bệnh viện K còn hiệu lực ít nhất trong vòng 04 tháng (tính tại thời điểm kết thúc đăng tải báo giá):

- Bản cam kết về tính chính xác của hồ sơ: Đối với hồ sơ pháp lý công ty và hồ sơ kỹ thuật của thuốc theo hướng dẫn tại mục 1, mục 2, phần II phụ lục này, công ty cam kết đảm bảo đúng như yêu cầu của hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu tại gói thầu đã trúng thầu tại Bệnh viện K. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có sự sai khác xảy ra.
- Bản cam kết về chất lượng và tiến độ cung ứng hàng hoá cho Nhà thuốc bệnh viện (theo mẫu Phụ lục 2.1)

II. Đối với các mặt hàng đã có kết quả trúng thầu tại CSYT công lập thông qua đấu thầu rộng rãi:

Công ty cung cấp các hồ sơ, tài liệu sau đây để chứng minh tính hợp lệ của đơn vị cung ứng và tính hợp lệ của thuốc báo giá:

1. Hồ sơ pháp lý Công ty:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao công chứng).
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm thuốc dự kiến cung ứng (bản sao công chứng).
- Chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn (bản sao công chứng).
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) (bản sao công chứng).
- Bản cam kết về chất lượng và tiến độ cung ứng hàng hoá cho Nhà thuốc bệnh viện (theo mẫu Phụ lục 2.1)

2. Hồ sơ kỹ thuật của thuốc:

- Bản sao Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hoặc cam kết số lượng có thể cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Handwritten signature and initials.

- Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc cam kết của công ty sản xuất hoặc công ty đăng ký về việc Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký thuốc đã nộp tại Cục Quản lý Dược.

- Quyết định trúng thầu hoặc Hợp đồng trúng thầu tại CSYT công lập thông qua đấu thầu rộng rãi còn hiệu lực ít nhất trong vòng 04 tháng (tính tại thời điểm kết thúc đăng tải báo giá). Đối với các thuốc hiếm và thuốc mới theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Luật dược chưa có kết quả trúng thầu, cung cấp ít nhất 01 hóa đơn bán hàng tại 01 cơ sở y tế công lập trong vòng 12 tháng. Trong trường hợp đơn vị không phải là nhà thầu trúng thầu theo Quyết định trúng thầu hoặc Hợp đồng đã cung cấp phải có Giấy ủy quyền sử dụng Quyết định hoặc Hợp đồng nêu trên.

- Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.



Phụ lục 2.1

CAM KẾT VỀ ĐIỀU KIỆN GIAO HÀNG CỦA CÔNG TY

Tên Công ty: (ghi đầy đủ tên Công ty)

Kính gửi: Bệnh viện K

Sau khi nghiên cứu Công văn mời báo giá....chúng tôi xin cam kết và thực hiện đầy đủ những nội dung theo yêu cầu của Công văn mời báo giá như sau:

1. Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Bệnh viện, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng, tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong báo giá.
2. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc báo giá bị hết hạn trong thời hạn của hợp đồng, cam kết thuốc cung ứng cho Bệnh viện được sản xuất trước ngày hết hạn số đăng kí (đối với thuốc trong nước) hoặc nhập khẩu trước ngày hết hạn số đăng kí (đối với thuốc nước ngoài), chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.
3. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của Bệnh viện tại 3 cơ sở: Cơ sở Quán sứ (43 Quán sứ, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội), cơ sở Tam Hiệp (Thôn Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội), cơ sở Tân Triều (Số 30 Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội).
4. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc đã kí hợp đồng tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc Bệnh viện quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc ký hợp đồng tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

Thy
K

5. Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã báo giá và ký hợp đồng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bệnh viện và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

6. Cam kết về giá:

- Chúng tôi cam kết giá của thuốc do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện là giá thống nhất trên toàn bộ thị trường và thấp hơn hoặc bằng giá đã kê khai/kê khai lại (nếu có) với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Trong trường hợp giảm giá kê khai bán buôn thì chúng tôi sẽ giảm giá bán theo, nếu không điều chỉnh giá bán thì chúng tôi xin đền toàn bộ phần chênh lệch của giá kê khai và giá bán cho Bệnh viện tính từ thời điểm điều chỉnh.

Đại diện hợp pháp của Công ty
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

(Kèm theo Công văn số 738/BVK-KD ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện K)



Tên đơn vị:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Người đại diện/liên hệ:
SDT liên hệ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Bệnh viện K

Công ty xin gửi danh mục và giá dự kiến, các sản phẩm Công ty tham gia báo giá cung ứng tại nhà thuốc bệnh viện, cụ thể như sau:

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nhóm theo TT07	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Hợp đồng tương tự/Quyết định trúng thầu				
													Số hợp đồng (nếu có)	Hiệu lực (Từ ngày ... đến ngày ...)	Cơ sở y tế trúng thầu	Hình thức đấu thầu	Đơn giá (có VAT, VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

Báo giá này có hiệu lực đến ngày:....../...../20.....

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.
- Đơn vị chịu trách nhiệm về các tài liệu làm căn cứ phân nhóm kỹ thuật theo quy định tại Thông tư quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.
- Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký.
- Đề nghị Quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.